

Số: **14** /2013/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **28** tháng 6 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố số hiệu hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Văn bản số 10399/BGTVT-KCHT ngày 06/12/2012 và Văn bản số 5381/BGTVT-KCHT ngày 10/06/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc thỏa thuận đặt tên, số hiệu hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1222/SGTVT-GT ngày 24/6/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố số hiệu hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định, theo phụ lục đính kèm.

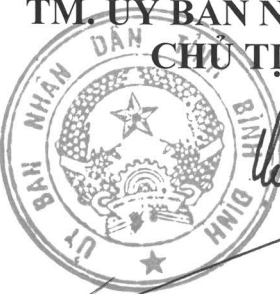
**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức quản lý, bảo trì và sửa chữa thường xuyên toàn bộ 14 tuyến đường tỉnh nêu trên kể từ ngày 01/01/2014.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 60/1998/QĐ-UB ngày 05/01/1998 của UBND tỉnh. Các quy định về phân cấp quản lý các đường tỉnh trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này đều được bãi bỏ.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19. *bmh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH  
  
Lê Hữu Lộc

## Phụ lục

### DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **14**/2013/QĐ-UBND  
ngày **28**/6/2013 của UBND tỉnh)

| TT               | Số hiệu | Tuyến                 | Chiều dài<br>(km) | Ghi chú                                                    |
|------------------|---------|-----------------------|-------------------|------------------------------------------------------------|
| 01               | ĐT.629  | Bồng Sơn – An Lão     | 31,2              |                                                            |
| 02               | ĐT.630  | Cầu Dory – Kim Sơn    | 22,0              |                                                            |
| 03               | ĐT.631  | Diêm Tiêu – Tân Thạnh | 18,6              |                                                            |
| 04               | ĐT.632  | Phù Mỹ – Bình Dương   | 17,7              |                                                            |
| 05               | ĐT.633  | Chợ Gồm – Đề Gi       | 20,7              |                                                            |
| 06               | ĐT.634  | Hòa Hội – Long Định   | 17,4              |                                                            |
| 07               | ĐT.635  | Cát Tiến – Kiên Mỹ    | 42,40             |                                                            |
| 08               | ĐT.636  | Đập Đá – Phước Thắng  | 15,2              |                                                            |
| 09               | ĐT.636B | Gò Bồi – Lai Nghi     | 27,6              |                                                            |
| 10               | ĐT.637  | Vườn Xoài – Vĩnh Sơn  | 62,1              |                                                            |
| 11               | ĐT.638  | Diêu Trì – Mục Thịnh  | 39,4              |                                                            |
| 12               | ĐT.639  | Nhơn Hội – Tam Quan   | 106,0             |                                                            |
| 13               | ĐT.639B | Chương Hòa – Nhơn Tân | 97,4              | Tuyến mới đã trừ các<br>đoạn trùng tuyến<br>ĐT.629, ĐT.631 |
| 14               | ĐT.640  | Ông Đô – Cát Tiến     | 19,3              |                                                            |
| <b>Tổng cộng</b> |         |                       | <b>537,0</b>      |                                                            |